

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72 /2018/HNGĐ- ST

Ngày 20 - 9 - 2018

V/v Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Phạm Gia Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Kim Dung

Ông Đào Đức Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1986

ĐKHKT: L1, H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh;

Tạm trú: Tổ 1, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kiên Đ; sinh năm: 1978;

ĐKHKT: B1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh;

Tạm trú: Tổ 1, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Vắng mặt tại phiên tòa. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Kiên Đ vào tháng 4/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố U trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn anh Đ đã ly hôn một lần, tôi chưa kết hôn lần nào. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè, về chửi đánh vợ con. Tôi đã nhiều lần chịu đựng, nhẹ nhàng khuyên nhủ anh Đ thay đổi nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề, mệt mỏi. Tôi vẫn thường xuyên bị anh Đ đánh đập, bạo hành. Mâu thuẫn vợ chồng tôi đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tôi không thể sống chung với anh Đ được nữa. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Tôi và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Thảo C, sinh ngày 30/10/2013. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tôi và anh Đ không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Kiên Đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt nên không có lời khai, anh Đ có gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn anh Đ đồng ý ly hôn với chị T, anh Đ đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T có đơn xác nhận mâu thuẫn vợ chồng gửi Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H và được xác nhận với nội dung: chị và anh Nguyễn Kiên Đ hiện đang tạm trú tại tổ 1, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Về mâu thuẫn gia đình chị T có trình bày do anh Đ thường xuyên chơi bời, cờ bạc, rượu chè, nợ nần về chửi bới, đánh đập vợ con và được tổ dân khu phố xác nhận nội dung đơn của chị là đúng sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Kiên Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và phần trình bày của chị Nguyễn Thị T cho thấy: chị và anh Nguyễn Kiên Đ tự nguyện kết hôn tháng 4/2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H. Trước khi kết hôn anh chị có một thời gian tìm hiểu nhau, anh Đ đã ly hôn một lần, chị T chưa kết hôn lần nào. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại tổ tại tổ 1, khu 10, phường B, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên chơi lô đề, uống rượu, về nhà chửi đánh vợ con. Chị T đã nhiều lần nhẹ nhàng khuyên nhủ anh Đ thay đổi nhưng không có kết quả. Chị T vẫn thường xuyên bị anh Đ chửi bới, đánh đập, bạo hành. Cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề, mệt mỏi. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T không còn tình cảm với anh Đ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ. Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kiên Đ đã trầm trọng không khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Kiên Đ là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và phần trình bày của chị Nguyễn Thị T cho thấy: anh chị có 01 con chung Nguyễn Thảo C, sinh ngày 30/10/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Xét thấy cháu Nguyễn Thảo C là con gái, còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Theo lời khai của chị T và xác nhận của tổ dân khu phố đều thể hiện anh Đ thường xuyên chơi cờ, cờ bạc, rượu chè về đánh chửi, bạo hành vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đ đều vắng mặt nhưng trong đơn đề nghị xử án vắng mặt anh Đ có quan điểm đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung. Từ các căn cứ nêu trên cho thấy việc giao con chung Nguyễn Thảo C, sinh ngày 30/10/2013 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Khoản 1 điều 199; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Kiên Đ;

- Về con chung: giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thảo C, sinh ngày 30/10/2013 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom chăm sóc con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: chị T và anh Đ không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001332 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án thành phố H nay chuyển thành án phí chính thức.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tp H;*
- *Chi cục thi hành án dân sự tp H;*
- *Ủy ban nhân dân phường P;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Gia Ninh

